TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HS-ST
Ngày: 28/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hào
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tưởng
2. Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký TAND Thành Phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thi - Kiểm sát viên

Ngày 28/02/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Trương Văn Đ - Sinh ngày 01 tháng 9 năm 1989 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn L và bà Cù Thị S; vợ: Lê Thị P và có 02 con(con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Quang T - Sinh ngày 18 tháng 8 năm 1990 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Quang D và bà Dư Thị L; vợ: Lê Thị H và có 02 con(con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Công ty TNHH thương mại hỗn hợp K
Địa chỉ: Lô T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đức T - Giám đốc (vắng).
Trú tại: đường X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h00 ngày 02/8/2018, Trương Văn Đ và Ngô Quang T đến khu công nghiệp Tây Bắc Ga, Tp. Thanh Hóa tìm thu mua sắt phế liệu nhưng không được. Trên đường về Đ và T bàn bạc và thống nhất trộm sắt phế liệu tại khu đất trống của khu Công nghiệp Tây Bắc Ga để bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này Đ gọi điện thoại cho anh Lê Văn H, SN: 1985, trú tại phố T, phường Đ, thành phố T (là lái xe cẩu) để thuê anh H cẩu sắt nhưng anh H bận không đi được nên đã giới thiệu cho anh Lê Văn D, SN: 1996 trú tại phố 7, trú tại phố T, phường Đ, thành phố T. Anh D gọi điện thoại cho Đ rồi hai bên thống nhất chi phí vận chuyển và hẹn chiều cùng ngày có mặt tại cổng khu công nghiệp Tây Bắc Ga để cẩu hàng. Lúc này, Đ gọi điện thoại cho Lưu Văn H, SN: 1991 trú tại thôn B, xã Q, thành phố S đến gầm cầu vượt Lễ Môn uống nước rồi nói dối H đi thu mua sắt phế liệu và rủ H đi cùng.

Đến khoảng 17h00 cùng ngày, Đ chở T và H đến khu công nghiệp Tây bắc Ga đợi xe cẩu đến, còn Đ điều khiển xe đi chỗ khác. ít phút sau anh Lê Văn D điều khiển xe cẩu chở theo anh Nguyễn N, SN: 1988 ở phố T phường Đ, thành phố T đến gặp T nói chuyện sau đó cả T, H lên xe cẩu đi cùng với anh D và N vào bên trong khu công nghiệp đến bãi đất trống nơi có nhiều thanh, khối sắt thuộc sở hữu của Công ty Kiên Cường ở lô 57 KCN Tây Bắc Ga, p. Đông Cương, Tp. Thanh Hóa do anh Hoàng Đức T, SN: 1964 ở 112 Trần Xuân Soạn, p. Đông Thọ, Tp. Thanh Hóa làm giám đốc. Tại đây, theo sự chỉ dẫn của T thì anh D và N đã cẩu 02 thanh kê và 01 tháp nối của máy ép cọc bê tông lên xe cẩu. Do sợ bị lộ nên khi đang cẩu thanh sắt thứ 3 lên xe thì T và H đi ra ngoài cổng khu công nghiệp đón xe taxi đợi trước.

Do không thấy chủ sở hữu đứng ra giao dịch mua bán nên anh D đã nghi ngờ và gọi điện thoại cho anh Phạm Đức N, SN: 1984 ở đường H, thành phố T là lái xe cho công ty K để hỏi về việc công ty có bán cho ai số sắt trên không thì được biết công ty không bán tài sản nào. Ngay sau đó anh Phạm Đức N đến nơi để sắt và lên xe ô tô đi cùng với anh D và anh N để truy tìm các đối tượng đã thuê xe cẩu trộm cắp tài sản. D liên lạc thì biết được T đang ngồi trên xe taxi BKS: 36A-148.32 nên đã đi theo. Lúc này T biết việc trộm cắp bại lộ nên đã chỉ dẫn xe cẩu đi lòng vòng đến tượng đài Lê Lợi rồi xuống khu vực siêu thị Big C và trạm cân Lễ Môn. Trương Văn Đ do không liên lạc được với Tư và không biết sự việc bại lộ nên khi thấy xe cẩu đến khu vực Big C, Đồng đã điều khiển xe ô tô ra tín hiệu cho xe cẩu dừng lại. Lúc này các anh D, N xuống xe yêu cầu Đ ra khỏi xe nói chuyện nhưng Đ điều khiển xe ô tô bỏ chạy về hướng cầu Nguyệt Viên. Sau đó các anh D, N đi ô tô quay về khu công nghiệp Tây Bắc Ga để lại số sắt trên về vị trí cũ cho công ty K.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 195/KL-HĐ ĐGTS ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa kết luận: trị giá 03 thanh sắt là 6.800.000đ.

Cơ quan CSĐT - CATP Thanh Hóa đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại 02 thanh kê và 01 tháp nối của máy ép cọc bê tông cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với Lưu Văn H là người đi cùng với Đ và T, nhưng H không biết việc Đ và T bàn bạc trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKS-KT ngày 17/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Trương Văn Đ, Ngô Quang T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Về hình phạt VKS đề nghị xử phạt Trương Văn Đ, Ngô Quang T mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo Ngô Quang T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện VKS.

Bị cáo Trương Văn Đ cho rằng khi Ngô Quang T vào trộm cắp, bị cáo không có mặt ở đó nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Trong phần đối đáp của đại diện VKS đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo và tính chất đồng phạm của vụ án, nên giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Ngô Quang T đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.
- Bị cáo Trương Văn Đ đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, tuy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại gì.

[2] Về hành vi phạm tội: Mặc dù Trương Văn Đ cho rằng không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, báo cáo của bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ chứng minh: Chiều ngày 02/8/2018, Trương Văn Đ và Ngô Quang T đến khu công nghiệp Tây Bắc Ga, Tp. Thanh Hóa tìm thu mua sắt phế liệu nhưng không được. Trên đường về Đ và T phát hiện tại khu đất trống của khu Công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa có đống sắt không có người trong coi, nên đã thuê anh Lê Văn D cẩu 03 thanh sắt của Công ty TNHH K trị giá 6.800.000đ mang đi bán lấy tiền tiêu sài thì bị phát hiện.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của Trương Văn Đ, Ngô Quang T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội "trộm cắp tài sản". Tội phạm và khung hình phạt được quy đinh tại khoản 1 Điều 173 BLHS như cáo trạng của VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo là đúng.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Các bị cáo lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản đã lén lút chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gâyhoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an chung, cần phải xử lý nghiêm minh.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, hành vi mang tính bột phát, tuy nhiên cũng cần áp dụng Điều 58 BLHS để phân hóa vai trò và mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

Bị cáo Trương Văn Đ điện thoại cho anh Lê Văn D để thuê xe và chở Ngô Quang T đến địa điểm trộm cắp; Bị cáo Ngô Quang T trực tiếp chỉ đạo anh Lê Văn D cẩu các thanh sắt, do đó vai trò của của các bị cáo là như nhau và mức hình phạt của các bị cáo ngang nhau là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ sức giáo dục, phòng ngừa.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*: Theo báo cáo của bị hại, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã nhận lại đầy đủ và không yêu cầu, đề nghị gì nên cần công nhận về dân sự đã giải quyết xong.

[5] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí HSST theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS năm 2015; Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn Đ, Ngô Quang T phạm tội : "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt:

- Trương Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Ngô Quang T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trương Văn Đ, Ngô Quang T cho ủy ban nhân dân phường phường Quảng Vinh, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về dân sự: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và bị hại đã giải quyết xong.

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSNDTPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Hào